

E9: UNIT 7 VOCABULARY CHECK

1. (n) tôm :	14. (n) nước thịt, nước xốt:
2. nguyên liệu:	
3. (n) cần tây:	15.(v) đánh (trứng) :
4. hành tươi:	16. (v) mài, nạo:
5. (a) đa dụng:	17.v) rắc:
6. (v) làm ráo nước:	18.(v) thái lát:
7. (v) bóc vỏ:	19.(v) nhúng:
8. (v) cắt miếng, chặt:.....	20.(v) phết:
9. (v) kết hợp:	21. (v) ướp:
10. (n) cái bát:	22. (n) khúc, khoanh:
11. (v) trộn:	23.(v) quay:
12. (a) rất đói, chết đói:	24. (n) bột nhão:
13.(n) công thức, cách nấu ăn:	25. (v) xào :
	26. (v) chiên ngập dầu:
	27. (v) nướng vỉ: